

Số: 1942/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:
Nhà Đa năng, Trường THPT Cẩm Thủy I, huyện Cẩm Thủy**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 17/2013/TT-BXD ngày 31/10/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng; Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế công trình xây dựng; Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh về việc công bố điều chỉnh giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư mở rộng, nâng cấp các trường trung học phổ thông năm 2016 để đạt chuẩn quốc gia vào năm 2017;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2438/SXD-HĐXD ngày 20/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Nhà Đa năng, Trường THPT Cẩm Thủy I, huyện Cẩm Thủy, với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Nhà Đa năng, Trường THPT Cẩm Thủy I, huyện Cẩm Thủy.

2. Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất cho các trường THPT năm 2016 để đạt chuẩn quốc gia vào năm 2017 thuộc lộ trình đầu tư theo Đề án mở rộng, nâng cấp các trường THPT để đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3951/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 và phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 5194/QĐ-UBND ngày 10/12/2015.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường THPT Cẩm Thủy I.

5. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

6. Quy mô và nội dung đầu tư:

6.1. Nhà đa năng.

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 01 tầng, hình chữ nhật kích thước 16,8x35m (tính từ tim đếm tim cột); chiều cao công trình là 10,1m (tính từ cos nền nhà đến đỉnh mái); cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos sân hoàn thiện +0,75m.

- Mặt bằng gồm sân tập và thi đấu, sân khấu, 01 kho sân khấu, 01 kho dụng cụ, 01 khu vệ sinh và thay đồ nam, 01 khu vệ sinh và thay đồ nữ.

- Nền khu vực sân tập, thi đấu và sân khấu cấu tạo gồm các lớp: lát gỗ công nghiệp dày 12mm, láng nền vữa XM mác 75, bê tông đá 1x2 mác 200 dày 100mm, lớp nilon chống ẩm, bê tông đá 4x6 vữa XM mác 50 dày 100mm, cát tôn nền đầm chặt K90, đất tự nhiên; nền sảnh lát gạch ceramic kích thước 400x400; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm.

- Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát trong và ngoài nhà vữa XM mác 75, trát trần, trát tường ngoài nhà, cột, dầm vữa XM mác 75; tường, trần lăn sơn trực tiếp; tường trong nhà khu vệ sinh ốp gạch men kính kích thước 350x450mm cao 1,9m.

- Cấu tạo mái khu vực sân thi đấu (M3) gồm các lớp: lợp tôn múi dày 0,45mm, xà gồ thép U150x60x5, vì kèo thép hình, tấm trần thả thạch cao khung xương thép; cấu tạo mái sảnh (M1) gồm các lớp: láng vữa XM mác 50, lớp chống thấm flinkote, sàn BTCT mác 200 đổ tại chỗ, trát trần vữa XM mác 75, lăn sơn màu trắng;

- Bậc tam cấp xây gạch vữa XM mác 50, mặt bậc, cổ bậc ốp đá granit dày 20mm.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhựa lõi thép gia cường, kính an toàn dày 6,38mm; hoa sắt cửa sổ dùng thép vuông 14x14 sơn tĩnh điện màu trắng;

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200 dưới cột, kích thước móng điển hình: 1,7x2,3m; 1,6x1,6m; 1,4x1,4m; dầm giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; tường móng xây đá hộc vữa XM mác 50.

- Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình: 220x350mm; tiết diện cột điển hình 300x500mm; 220x220mm; sàn BTCT điển hình dày 100mm.

- Phần mái sử dụng hệ kết cấu vì kèo thép hình khẩu độ 16,8m; tiết diện các thanh cánh: 2L75x75x7, 2L100x100x7, 2L63x63x6; thép vì kèo sử dụng loại CT34, liên kết hàn sử dụng que hàn N46, bu lông cường độ 8.8.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Hệ thống điện được lấy từ tủ điện chung của trường, kéo vào công trình bằng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC (3x16+1x10)mm² đến tủ điện tổng; cáp nội bộ dùng Cu/XLPE/PVC (2x10)mm² và Cu/XLPE/PVC (2x6)mm²; dây dẫn trong nhà dùng dây Cu/PVC (2x4)mm², (2x2,5)mm² và (2x1,5)mm²; hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép $\phi 16$ dài 700mm, dây thu sét thép $\phi 12$; hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m, chôn sâu cách mặt đất 0,8m; dây tiếp địa bằng thép $\phi 14$.

d) Giải pháp cấp thoát nước:

- Nước cấp cho công trình được lấy từ bể ngầm bơm lên téc nước inox trên mái. Sau đó cấp đến các thiết bị dùng nước tại khu vệ sinh bằng ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung; nước thải từ phểu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài; ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

- Bể tự hoại có kích thước 1,8x3,2x1,5m; tường bể xây gạch vữa XM mác 75, trát láng vữa XM mác 75 dày 20; đáy bể đổ BTCT tại chỗ mác 200 đá 1x2, nắp bể dùng tấm đan BTCT đúc sẵn.

- Bể nước ngầm có kích thước 2,5x3,2x1,5m; tường bể xây gạch vữa XM mác 75, trát láng vữa XM mác 75 dày 20; đáy, nắp bể đổ BTCT tại chỗ mác 200 đá 1x2.

e) Hệ thống Phòng cháy chữa cháy:

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy của công trình gồm: hệ thống chữa cháy tại chỗ và hệ thống chữa cháy bằng nước.

- Hệ thống chữa cháy tại chỗ gồm: hộp đựng bình chữa cháy, bình bột chữa cháy MFZ4-ABC, bình chữa cháy CO2MT3 và bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy đặt bên trong nhà; Hệ thống đầu báo cháy, báo khói được lắp đặt trên trần nhà.

- Hệ thống chữa cháy bằng nước gồm: hộp chữa cháy, họng nước, lăng phun, vòi phun, van khóa, máy bơm, trụ chữa cháy ngoài nhà.

- Bể nước phòng cháy chữa cháy có kích thước 7,0x8,0x1,95m; mặt bằng bể chia thành 4 ngăn; tường bể, nắp bể, đáy bể đổ BTCT mác 200 đá 1x2.

f) Giải pháp phòng chống mối: Tiến hành xử lý chống mối bên ngoài, bên trong và mặt nền công trình. Đào xung quanh ngoài móng công trình với kích thước 500x800mm, hào bên trong kích thước 300x400mm.

6.2. Nhà đặt máy bơm:

- Công trình có quy mô 01 tầng, cao 2,4m; mặt bằng kích thước 2,0x2,5m bố trí khu vực để máy bơm và thiết bị kỹ thuật; nền nhà láng vữa XM mác 100

dày 20mm, đổ bê tông đá 1x2 mác 200 dày 100mm trên lớp bê tông lót đá 4x6 vữa XM mác 50.

- Phần thân sử dụng hệ kết cấu tường xây gạch chịu lực, dày 220; sàn mái đổ BTCT mác 200 tại chỗ; móng xây đá hộc vữa XM mác 50, giằng móng BTCT mác 200 đổ tại chỗ

6.3. Sân bê tông: diện tích 1197,4m²; có cấu tạo gồm: lớp bê tông đá 1x2 mác 200 dày 10cm, bê tông đá 4x6 mác 50 dày 100, lớp đất tự nhiên.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 2438/SXD-TTTC ngày 20/5/2016)

7. Tổng mức đầu tư: 6.046.494.0000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	4.754.816.000
- Chi phí Quản lý dự án:	120.011.556
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT:	437.705.177
- Chi phí khác:	338.396.172
- Chi phí dự phòng:	395.565.023

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

8. Nguồn vốn: Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016, 2017.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo (chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng công trình.

2. Các ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các đơn vị có liên quan căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, đơn vị; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

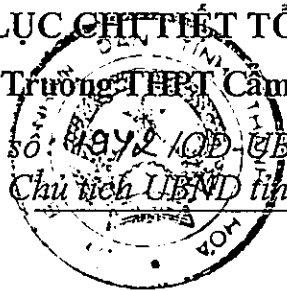
- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh Phạm Đình Minh;
- Lưu: VT, VX.


Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

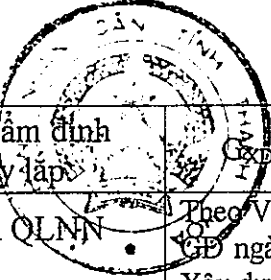
Công trình: Nhà Đa năng, Trường THPT Cẩm Thủy I, huyện Cẩm Thủy.

(Kèm theo Quyết định số: 4972/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)



Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	(I+II+III+IV+V)	6.046.494.000
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG (G_{xd})		4.754.816.000
1	Nhà Đa năng	Theo dự toán chi tiết	3.945.931.000
2	Sân bê tông	Theo dự toán chi tiết	217.001.000
3	Phòng cháy chữa cháy	Theo dự toán chi tiết	371.301.000
4	Phòng chống mối	Theo dự toán chi tiết	220.583.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (G_{qlđa})	$G_{XD}^{trước VAT} \times 2,524\%$	120.011.556
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (G_{tv})		437.705.177
1	Khảo sát địa chất, địa hình	Theo kết quả thẩm tra số: 995/SXD-BTĐKS ngày 10/3/2016 của Sở Xây dựng	88.521.000
2	Chi phí lập báo cáo KTKT	$G_{XD}^{trước VAT} \times 3,468\%$	164.897.019
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,206\%$	9.794.921
4	Chi phí thẩm tra dự toán	$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,200\%$	9.509.632
5	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT xây lắp	$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,337\%$	16.023.730
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$G_{XD}^{trước VAT} \times 2,628\%$	124.956.564
7	Chi phí báo cáo giám sát ĐGDAĐT	$G_{qlđa} \times 20\%$	24.002.311
IV	CHI PHÍ KHÁC (G_k)		338.396.172
1	Chi phí thẩm định báo cáo kinh tế- kỹ thuật	$TMĐT \times 0,019\%$	1.148.834
2	Chi phí bảo hiểm công trình (tỷ lệ phần trăm tạm tính)	$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,300\%$	14.264.448
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	$TMĐT \times 0,887\% \times 50\%$	26.816.201
4	Chi phí kiểm toán	$TMĐT \times 1,490\%$	99.102.037



5	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp	trước VAT x 0,100%	4.322.560
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)	Theo Văn bản số 2814/BXD-GB ngày 30/12/2013 của Bộ Xây dựng	20.000.000
7	Chi phí thẩm duyệt Phòng cháy chữa cháy	Theo phiếu thu Phòng cháy chữa cháy	7.473.000
8	Chi phí hạng mục chung	Theo dự toán chi tiết	165.269.093
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		395.565.023
1	Dự phòng do khối lượng phát sinh	(I+II+III+IV)x5%	282.546.445
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá (tạm tính tỷ lệ %)	(I+II+III+IV)x2%	113.018.578